

*Huyện K, ngày 18 tháng 06 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 06 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 84/2020/TLST-DS ngày 05/10/2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:*

Ngân hàng thương mại cổ phần F (F);

Trụ sở: Số 22 J, phường T, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là:

Ông Nguyễn Đình Lâm; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của F là:

Ông Nguyễn Hoàng Nam; chức vụ: Tổng giám đốc F;

Theo văn bản ủy quyền số 6225/UQQ-PVB ngày 14/04/2020.

Người đại diện theo ủy quyền lại của F là:

Ông Mai Xuân Thuận; chức vụ: Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản;

Theo văn bản ủy quyền số 6226/UQ- PVB ngày 14/4/2020 và văn bản ủy quyền số 10998/UQ- PVB ngày 02/11/2017 và văn bản ủy quyền số 10771/UQ- PVB ngày 10/06/2020.

Đại diện theo ủy quyền của ông Mai Xuân Thuận là:

1. Ông Lê Xuân Trung; chức vụ: Phó giám đốc quản lý khách hàng cá nhân khu vực Miền Bắc - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản F;
2. Ông Trần Thanh Tuyền; chức vụ: Chuyên viên tổ tụng khách hàng cá nhân - Phòng quản lý khách hàng cá nhân - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản F;
3. Ông Đỗ Văn Vinh; chức vụ: Chuyên gia hỗ trợ nghiệp vụ - Phòng quản lý khách hàng cá nhân khu vực Miền Bắc - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản F;

Theo văn bản ủy quyền số 19635/UQ- PVB ngày 23/7/2020.

4. Bà Lê Thị Dân; chức vụ: Chuyên viên tổ tụng - Phòng quản lý khách hàng cá nhân khu vực Miền Bắc - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản F;

Theo văn bản ủy quyền số 25098/UQ- PVB ngày 31/12/2020.

*Bị đơn:*

1. Ông H, sinh năm 1965;
2. Bà C, sinh năm 1969;

Cùng trú tại: Xóm 5, thôn Q, xã W, huyện K, thành phố Hà Nội.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Anh Quân, sinh năm 1993;
2. Chị Nguyễn Quỳnh Trang, sinh năm 2003;

Người đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Quỳnh Trang là ông H và bà C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H và anh Nguyễn Anh Quân là bà C.

Cùng trú tại: Xóm 5, thôn Q, xã W, huyện K, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng hạn mức cho vay số 183/2017/HĐTD/PVB-HĐ ngày 29/05/2017, các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 2902; quyền số 02.2017

TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Miền Bắc ngày 29/5/2017 được giao kết giữa ông H và bà C với Ngân hàng thương mại cổ phần F chi nhánh Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Cách tính lãi trong hạn và lãi quá hạn được quy định trong Hợp đồng hạn mức cho vay số 183/2017/HĐTD/PVB-HĐ ngày 29/05/2017 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ so với các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần F là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

2.3. Các bên xác nhận tạm tính đến ngày 09/06/2021, ông H và bà C còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần F tổng số tiền là: 4.218.669.392 đồng (Bốn tỷ hai trăm mười tám triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 2.800.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 140.510.178 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.278.159.213 đồng.

2.4. Xác nhận ông H và bà C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần F toàn bộ tổng số tiền còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần F là: 4.218.669.392 đồng (Bốn tỷ hai trăm mười tám triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 2.800.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 140.510.178 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.278.159.213 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/06/2021 trên dự nợ gốc tính theo Hợp đồng hạn mức cho vay số 183/2017/HĐTD/PVB-HĐ ngày 29/05/2017, khế ước nhận nợ số 082 ngày 24/05/2018 và khế ước nhận nợ số 083 ngày 25/05/2018 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

Kể từ ngày 10/06/2021 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ, ông H và bà C còn phải chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức cho vay số 183/2017/HĐTD/PVB-HĐ ngày 29/05/2017, khế ước nhận nợ số 082 ngày 24/05/2018 và khế ước nhận nợ số 083 ngày 25/05/2018. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nói trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo

quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất ngân hàng cho vay.

2.5. Trường hợp ông H và bà C thanh toán hết khoản nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần F có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất thế chấp cho ông Hoàng và bà Vui và làm thủ tục giải chấp ngay.

2.6. Kể từ ngày 10/09/2021 mà ông H và bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần F có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 22 (1); tờ bản đồ số 10; địa chỉ tại: Thôn Q, xã W, huyện K, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 659205, số vào sổ cấp GCN: 0381/QSDĐ/648 do Ủy ban nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội cấp ngày 11/8/2004 cho hộ ông H; ngày 12/10/2009, chính chủ sử dụng là ông H và bà C, đã được đăng ký thế chấp tại theo quy định của pháp luật. Diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ phải di chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần F thì ông Hoàng và bà Vui có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần F.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền ông Hoàng và bà Vui phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần F thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho ông Hoàng và bà Vui.

2.7. Về án phí sơ thẩm: Ông H và bà C tự nguyện chịu 56.109.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần F 52.281.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng thương mại cổ phần F đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005466 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Như Trọng**